

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THÉP KIM TIỀN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THÉP KIM TIỀN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM TIEN PHAT STEEL INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KIM TIEN PHAT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110223457

3. Ngày thành lập: 05/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô H6, thôn Cổ Dương, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981075005

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động đầu giá)	4511
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động đầu giá)	4513
6.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động đầu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (Trừ Hoạt động đầu giá)	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ Hoạt động đầu giá)	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới hàng hóa (Loại trừ Đấu giá và loại nhà nước cấm)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn thực phẩm	4632
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ được phẩm)	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ Kinh doanh vàng)	4662(Chính)
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Dịch vụ đóng gói	8292
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh (Loại trừ đấu giá)	8299
25.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (Không bao gồm ủy thác, giám sát đầu tư tài chính, chứng khoán)	6619
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
31.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
32.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
33.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
34.	Đúc sắt, thép	2431
35.	Đúc kim loại màu	2432
36.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
37.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
38.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
39.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
40.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
41.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

42.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
43.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
44.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
48.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyển; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; - Kinh doanh vận tải hành khách ngang sông	5021
49.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Loại trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
52.	Bốc xếp hàng hóa	5224
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ các dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không và hoa tiêu)	5229
55.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
58.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
62.	Xây dựng công trình điện	4221

63.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
64.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
65.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
66.	Xây dựng công trình thủy	4291
67.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
68.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
69.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
70.	Phá dỡ (Không bao gồm việc cho nổ, dò bom, mìn và các loại tương tự)	4311
71.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm việc cho nổ, dò bom, mìn và các loại tương tự)	4312
72.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
75.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
76.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
77.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
80.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
81.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
82.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
83.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ bán lẻ thuốc và dụng cụ y tế)	4772
84.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN MONG	Thôn Cổ Dương, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	50,000	0010830097 36	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	50,000		
2	HOÀNG HỒNG ANH	Thôn Cổ Dương, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	0011800219 99	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		

3	HỒ THỊ THU HÀ	Xóm Đông, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	40,000	0011850476 77
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN MONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/07/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083009736

Ngày cấp: 31/07/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Cổ Dương, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cổ Dương, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội